

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2020/DS-PT

Ngày: 06-7-2020

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Vân

Các Thẩm phán: Ông Trần Bá Kha

Ông Lê Quang Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 tháng 6 và 06 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2020/TLPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 73/2019/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 99/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc Á, sinh năm: 1959. Địa chỉ: Số 1048 đường MC, phường VQ, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: 34B ĐBP, phường VQ, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn Y, sinh năm: 1943 và bà Nguyễn Cẩm V, sinh năm: 1946. Địa chỉ: Số 189 ĐBP, phường VQ, thành phố RG, Kiên Giang (Ông Y vắng mặt, bà V có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1 - (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

2. NLQ2 (Có mặt).

3. NLQ3 (có mặt tại phiên tòa ngày 04/6/2020, vắng mặt ngày 06/7/2020, có mặt).

4. NLQ4 (Vắng mặt)

5. NLQ5 (Vắng mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc Á và NLQ2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc Á trình bày:* Bà có thỏa thuận “mua” một phần đất của vợ chồng ông Bùi Hữu N và bà Lý Cuối Ph có diện tích ngang trước 12m, ngang sau 12m. Chiều dài hai cạnh một bên giáp đất ông Bùi Văn Y là 12,50m và chiều dài cạnh còn lại giáp đất ông Nguyễn Văn T 12,50m. Tổng diện tích 146,20m² đất tọa lạc tại đường QT, khu phố VTT, phường VQ, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang, thuộc tờ bản đồ số 74, thửa số 299, mục đích sử dụng đất vườn. Phần đất này ông N, bà Ph đã được Ủy ban nhân dân (sau đây được viết tắt là UBND) thị xã RG cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây được viết tắt là giấy CNQSD đất) vào ngày 23/01/2003 và được chỉnh lý biến động sang tên cho bà Á vào ngày 03/6/2003. Do phần đất nằm giáp với đất của ông Bùi Văn Y và Nguyễn Cẩm V nên vào tháng 6/2003 vợ chồng ông Y, bà V có hỏi mượn đất để trồng cây ngắn ngày và chăn nuôi gà. Ông Y, bà V hứa khi nào bà Á xây dựng nhà sẽ trả lại. Đến tháng 3/2011 bà Á đo lại đất dự định xây dựng nhà thì mới biết phần đất thực tế bị thiếu chiều ngang là 2,45m và chiều dài là 12,50m. Bà Á cho rằng vợ chồng ông Y lấn đất và yêu cầu vợ chồng ông Y trả lại diện tích bị thiếu, nhưng vợ chồng ông Y không đồng ý. Nay bà Trần Thị Ngọc Á yêu cầu vợ chồng ông Bùi Văn Y và Nguyễn Cẩm V phải trả lại cho bà phần đất lấn chiếm có chiều ngang là 2,45m và chiều dài là 12,5m.

- *Bị đơn ông Bùi Văn Y và bà Nguyễn Cẩm V trình bày (BL 25, 26):* Phần đất này là do vợ chồng ông “mua” của ông Huỳnh Văn Nh và bà Nguyễn Thị T vào năm 1998, phần đất có chiều ngang là 08m và chiều dài là 12m, đã xây nhà chiều ngang 08m x dài 10m trên phần đất. Tại thời điểm ‘mua’ do chưa có khả năng làm giấy tờ, nên đến năm 2005 thì mới đi làm giấy CNQSD đất và được UBND thành phố RG cấp giấy chứng nhận.

Tại lời khai ngày 02/7/2019 (BL 108) ông Y trình bày: Ông Y cho nhà cho con gái NLQ4, cho năm nào không nhớ nhưng được khoảng 07 năm, cho trước khi bà Á tranh chấp, NLQ4 bán lại cho ai thì ông không biết.

Nay vợ chồng ông không đồng ý trả đất theo yêu cầu của bà Á, vì vợ chồng ông sử dụng đúng theo diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. *NLQ3 trình bày:* Ngày 26/01/2016 ông có “mua” phần đất của NLQ4 có chiều ngang 05m và chiều dài 12m với giá 450.000.000 đồng. Nguồn gốc đất của

NLQ4 là được cha mẹ ông Y và bà V tặng cho. Sau khi ông làm thủ tục “mua bán” sang tên theo qui định thì ở cho tới nay. Ông không biết đất có tranh chấp với bà A. Nay bà A tranh chấp với ông Y, bà V ông không có ý kiến gì.

2. *NLQ1 trình bày ý kiến bằng văn bản như sau:* Khẳng định việc cấp giấy CNQSD đất cho các hộ trên là đúng trình tự thủ tục theo quy định hiện hành, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận không xảy ra tranh chấp. Tuy nhiên diện tích đất thiếu so với giấy chứng nhận là do đo đạc không chính xác. Hiện nay, các hộ tranh chấp và khởi kiện tại Tòa án, NLQ1 sẽ thu hồi giấy chứng nhận theo bản án của Tòa án sau khi xét xử...

3. *NLQ4 vắng mặt không rõ lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn.*

Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2019/DS-ST, ngày 27/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc A về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Bùi Văn Y và bà Nguyễn Cẩm V.

Kiến nghị NLQ1 điều chỉnh lại diện tích đất cho phù hợp với diện tích thực tế của các hộ đang sử dụng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và báo quyền kháng cáo.

Ngày 11/01/2020, bị đơn bà Trần Thị Ngọc A và NLQ2 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm xử buộc ông Bùi Văn Y, bà Nguyễn Cẩm V trả lại quyền sử dụng đất có diện tích là 15m² do ông Y và bà V lấn chiếm; Không đồng ý bản án sơ thẩm vì xét xử không khách quan và không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà A khai tại thời điểm bà nhận chuyển nhượng đất thì có đo đạc và căn nhà ông Y bà V là căn nhà vách lá, bà A cung cấp xác nhận của ông Bùi Hữu N về việc khi giao đất cho bà A thì có đo đạc và có ông Y bà V chứng kiến.

Bà V khai căn nhà của bà từ trước tới nay là nhà xây tường không có vách lá, hiện nay nhà đất của NLQ5 đã chuyển nhượng cho người khác nhưng bà không biết tên.

NLQ3 khai ông nhận chuyển nhượng căn nhà từ ông T, vì ông T là Công an nên tin tưởng và nhận chuyển nhượng chứ không biết NLQ4.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm không xác minh thu thập chứng cứ, không đưa người có quyền lợi nghĩa vụ tham gia tố tụng, không tiến hành thẩm định giá trị tài sản trên đất, không bảo đảm thủ tục tố tụng đạt hợp lệ để xét xử người vắng mặt, áp dụng pháp luật để tính án phí sai quy định... Do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự mà tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm và chuyển vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm; Chấp nhận kháng cáo của bà A và NLQ2 về việc xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm chưa khách quan.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Những NLQ vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, không có kháng cáo có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và những người được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Về việc thu thập lời khai của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các văn bản đều thể hiện NLQ5 vắng mặt, tại phiên tòa NLQ5 cũng được xét xử vắng mặt (Biên bản phiên tòa - BL 165, Biên bản nghị án - BL 171-173, Bản án - BL 183) nhưng trong phần bản án (BL 183) ghi: “*Tại phiên tòa NLQ5 thống nhất theo lời trình bày của bà A, ông không có ý kiến gì bổ sung thêm*”. Việc ghi nhận lời khai của NLQ5 thống nhất với lời khai của bà A là không khách quan. Bởi lẽ NLQ5 vắng mặt không trình bày lời khai, hơn nữa quyền lợi giữa NLQ5 với bà A (nguyên đơn) đang bị đối lập nhau.

[3] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại biên bản giao nhận “Thông báo mở lại phiên tòa” (BL 50, 156) được giao cho ông Y, bà V, NLQ5, NLQ3 chỉ giao cho 01 người nhận với chữ ký tên là “H” và có thể hiện “Hòa” là con NLQ3. Nhưng người nhận thay này không thể hiện có mối quan hệ như thế nào với ông Y, bà V, NLQ5, sau khi nhận có giao lại tận tay cho những người được nhận thay hay không. Do thủ tục tố tụng không bảo đảm cho các đương sự tham gia phiên tòa, nhưng Tòa án xét xử vắng mặt là ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự.

[4] Tình tiết mới phát sinh sau khi xét xử sơ thẩm như sau: NLQ5 chuyển nhượng nhà đất cho ông Đoàn Bá D và được chỉnh lý biến động sang tên trên giấy chứng nhận cho ông D vào ngày 30/12/2019. Đến ngày 16/3/2020 ông D đã

chuyển nhượng nhà đất lại cho ông Nguyễn Văn Ng và được chỉnh lý biến động sang tên trên giấy chứng nhận cho ông Ng vào ngày 27/4/2020.

[5] Về việc thu thập chứng cứ và chứng minh nội dung vụ án như sau:

Đối với nguồn gốc đất của bà Trần Thị Ngọc Á là do nhận chuyển nhượng của ông Bùi Hữu N và bà Lý Cuối Ph vào ngày 17/02/2003, phần đất có diện tích 146,20m², tờ bản đồ số 74, thửa số 299 theo giấy CNQSD đất cấp cho ông N, bà Ph vào ngày 23/02/2003 (BL 73) và được chỉnh lý biến động sang tên cho bà Á vào ngày 03/6/2003. Theo sơ đồ thửa đất thể hiện phần đất có cạnh ngang là 12m x dài 12,5m tọa lạc tại đường QT, khu phố VTT, phường VQ, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang. Đối với nguồn gốc đất của ông Y, bà V là do nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị T theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 24/12/2004 được UBND phường VQ chứng thực, diện tích đất 96m², tờ bản đồ số 74, thửa đất số 414 (trong hợp đồng chuyển nhượng có thể hiện phần đất nằm trong giấy CNQSD đất số W 751614 cấp cho bà T, ngày 09/01/2004 - BL 13). Đến ngày 03/02/2005 thì ông Y, bà Á được cấp giấy CNQSD đất, theo sơ đồ thửa đất bà T xin chuyển nhượng cho ông Yên thì phần đất có chiều ngang 08m x dài 12m (BL 10, 14). Căn cứ theo lời khai của bà Á tại thời điểm bà nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì có cặm trụ và làm hàng rào, còn bà V khai bà đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà T từ năm 1998, nhưng thực tế cho đến năm 2004 giữa bà T với bà V ông Y mới làm hợp đồng chuyển nhượng. Do cấp sơ thẩm chưa xác minh, làm rõ hiện trạng đất và tài sản gắn liền trên đất (nhà, tài sản khác...). Vì vậy, không có cơ sở xác định được nguồn gốc phần đất tranh chấp từ trước đến nay do ai sử dụng.

Các tài liệu trong hồ sơ vụ án có thể hiện, nhưng trong bản án không nhận định và đánh giá đối với phần đất ông Y bà V sau khi được cấp giấy CNQSD đất, thì ông Y bà V đã tách ra hai thửa và sau đó chuyển quyền sử dụng cho 02 người con, cụ thể như sau:

- Về việc ông Y, bà V hợp đồng chuyển nhượng nhà đất cho NLQ5 vào ngày 15/11/2005, phần đất có diện tích 36m² thửa đất số 473, tờ bản đồ số 74. Đến ngày 27/12/2005 thì NLQ5 được cấp giấy CNQSD đất, theo sơ đồ thửa đất thì phần đất có chiều ngang 3m x dài 12m tọa lạc tại đường QT, khu phố VTT, phường VQ, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang (BL 09).

Đến ngày 30/12/2019 trên giấy CNQSD đất của NLQ5 được chỉnh lý biến động sang tên cho ông Đoàn Bá D. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông D vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có vi phạm nhưng do yếu tố khách quan (vì sau khi xét xử sơ thẩm 03 ngày, thì mới chỉnh lý biến động sang tên cho ông D). Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm không thể hiện Hội đồng

xét xử có kiểm tra quyền sử dụng đất của các đương sự có bị thay đổi hay không, là chưa bảo đảm cho việc xét xử được chính xác.

Trong thời gian thụ lý phúc thẩm, ông Đoàn Bá D đã chuyển nhượng nhà đất nêu trên cho ông Nguyễn Văn Ng vào ngày 16/3/2020 và đã được chỉnh lý biên động sang tên từ ông D sang cho ông Ng vào ngày 27/4/2020 (*Theo lời khai của ông Nguyễn Văn Ng tại cấp phúc thẩm*). Đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm.

- Về việc NLQ4 được đứng tên trên giấy CNQSD đất số BN 722759 ngày 23/02/2013, diện tích đất 60m², thửa số 414, tờ bản đồ số 74, theo sơ đồ thửa đất thể hiện cạnh chiều ngang là 05m x dài 12m, tọa lạc tại đường QT, phường VQ, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang. Theo lời khai của NLQ3 thì quyền sử dụng đất là do ông Y bà V tặng cho lại NLQ4 ngày 23/12/2013 (BL 183 - bản án), còn ông Y thì khai rằng đã cho NLQ4 trước khi bà A tranh chấp. Như vậy, cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ và thu thập chứng cứ, chứng minh ông Y bà A đã hợp đồng tặng cho NLQ4 quyền sử dụng đất vào thời gian nào là có thiếu sót.

Vào ngày 26/01/2018 bà Bích hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho NLQ3 (do NLQ4 ủy quyền cho ông Trần Thanh T chuyển nhượng). Vào ngày 16/01/2019 NLQ3 được cấp giấy CNQSD đất (BL 115). Hiện nay nhà đất này do gia đình NLQ3 đang sử dụng.

Từ các tình tiết nêu trên, có cơ sở xác định phần đất do NLQ4 đứng tên trên giấy CNQSD đất và chuyển nhượng cho NLQ3 được thực hiện trong thời gian phần đất đang tranh chấp với bà A. Sau đó, NLQ5 chuyển nhượng cho ông D, ông D chuyển nhượng cho ông Ng. Do đó quyết định của bản án sơ thẩm có ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các đương sự.

[6] Tại bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử có nhận định :”ngày 06/5/2016 Tòa án lập đoàn xem xét thẩm định tại chỗ đối với phần đất tranh chấp...” (BL 185). Tuy nhiên, trong hồ sơ không có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/5/2016 như nêu trên, mà chỉ có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/5/2016 và tại biên bản này có thể hiện trên phần đất tranh chấp có “tường” (BL 64), tại phiên tòa phúc thẩm bà Vân khai trên đất bà đã cất nhà từ năm 1998. Do biên bản không thể hiện đầy đủ hiện trạng tài sản trên đất tranh chấp và không tiến hành định giá tài sản trên phần đất tranh chấp, nên cấp phúc thẩm không xem xét đánh giá và vấn đề này không thể khắc phục được.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm chỉ căn cứ vào Công văn của NLQ1, cho rằng quyền sử dụng đất do đo đạc chưa chính xác nên không có căn cứ giải quyết tranh chấp cho các bên đương sự là thiếu cơ sở.

[7] Trong hồ sơ không có tài liệu xác minh căn nhà được xây dựng từ khi nào? Có nằm trên phần đất tranh chấp hay không?. Nguồn gốc đất, quá trình sử dụng, mốc giới tứ cận của thửa đất bà Ân sau khi nhận chuyển nhượng; hiện trạng thửa đất do ông Y bà V sử dụng từ trước đến nay như thế nào. Sau khi ông Y tặng cho NLQ4, NLQ4 chuyển nhượng cho NLQ3, thì sau đó NLQ4 NLQ3 có làm thay đổi hiện trạng thửa đất hay không, có xây dựng công trình mới hay không...Ngoài ra, NLQ1 trả lời đất thiếu là do đo đạc không chính xác (BL 48), nhưng lại khẳng định trình tự thủ tục cấp giấy là đúng (BL 48). Như vậy, khi cấp giấy CNQSD đất cho các đương sự trong vụ án và các đương sự có liên quan thì có đo đạc diện tích đất thực tế sử dụng hay không, các hộ có ký giáp ranh hay không? Việc đo đạc không chính xác là do lỗi của cơ quan đo đạc hay của người sử dụng đất kê khai không đúng thực tế...Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ, không thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận cho các bên đương sự mà đã quyết định không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Ân là thiếu căn cứ và chưa chính xác.

Ngoài ra, vụ án được thụ lý ngày 20/02/2012 nhưng cấp sơ thẩm lại áp dụng theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc bà Ân phải nộp số tiền án phí 300.000 đồng là không phù hợp. Bởi lẽ, theo quy định tại Điều 48 của Nghị quyết này quy định áp dụng về án phí khi các đương sự thuộc trường hợp không phải chịu hoặc được miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Từ cơ sở và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cấp sơ thẩm không xác minh, thu thập, đánh giá chứng cứ, không xác định làm rõ để đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, do chưa có đủ căn cứ nên Bản án sơ thẩm quyết định xử không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là chưa chính xác. Do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng trong việc thu thập chứng cứ và chứng minh được quy định tại Chương VII của Bộ luật Tố tụng dân sự mà tại cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, nên cần hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Thống nhất đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc hủy bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của bà Ân, NLQ2 cho rằng bản án sơ thẩm xét xử thiếu cơ sở và chưa khách quan.

[9] *Về án phí dân sự:*

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Sẽ được xem xét khi vụ án được giải quyết lại.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* Do bà Ân, NLQ2 đã được xét miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Ngọc Á và NLQ2.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 73/2019/DS-ST ngày 27/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 73/2019/DS-ST ngày 27/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc Á với bị đơn ông Bùi Văn Y, bà Nguyễn Cẩm V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Tiền tạm ứng án phí được xử lý khi vụ án được tiếp tục giải quyết.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Bà Trần Thị Ngọc Á, NLQ2 đã được miễn nộp tạm ứng án phí, nên không xem xét.

3. Chi phí tố tụng khác: Được xác định khi vụ án được giải quyết lại.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND Tp. RG;
- THA dân sự Tp. RG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Đặng Thị Bích Vân